

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 61/2019/TLST-VHNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

1. Bà **Nguyễn Thanh Q**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số A, đường V, khóm N, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông **Nguyễn Đức M**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số E, đường số X, khu dân cư T, khóm N, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thanh Q và ông Nguyễn Đức M kết hôn vào năm 1998, ông, bà có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường N, thị xã S (nay là thành phố S), tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/12/1998. Do trong thời gian chung sống ông, bà không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ lâu. Từ đó không thể hàn gắn với nhau được. Nay bà Q và ông M yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn cho ông, bà. Xét thấy, bà Q và ông M đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, đó là không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Nguyễn Thanh Q và ông Nguyễn Đức M.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Nguyễn Thanh Q và

ông Nguyễn Đức M có hai người con chung là cháu Nguyễn Tấn Đ (nam), sinh ngày 24/9/1999 và Nguyễn Tấn Ph (nam), sinh ngày 01/01/2009, hiện nay cháu Ph và cháu Đ đang sinh sống cùng bà Q tại địa chỉ: Số A, đường V, khóm N, phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi ly hôn, bà Q và ông M đều thống nhất thỏa thuận:

Đối với cháu Nguyễn Tấn Đ (nam), sinh ngày 24/9/1999, hiện nay đã trên 18 tuổi và có việc làm ổn định nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Giao cháu Nguyễn Tấn Ph (nam), sinh ngày 01/01/2009 cho ông Nguyễn Đức M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Ph đủ tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thanh Q và ông Nguyễn Đức M thống nhất thỏa thuận bà Q không cấp dưỡng nuôi cháu Ph.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thanh Q và ông Nguyễn Đức M đều tự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thanh Q và ông Nguyễn Đức M đồng ý chịu là 150.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận của ông, bà phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên có cơ sở chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thanh Q và ông Nguyễn Đức M đều thuận tình ly hôn;

- Về con chung: Bà Nguyễn Thanh Q và ông Nguyễn Đức M đều thống nhất thỏa thuận:

Đối với cháu Nguyễn Tấn Đ (nam), sinh ngày 24/9/1999, hiện nay đã trên 18 tuổi và có việc làm ổn định nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Giao cháu Nguyễn Tấn Ph (nam), sinh ngày 01/01/2009 cho ông Nguyễn Đức M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Ph đủ tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thanh Q và ông Nguyễn Đức M thống nhất thỏa thuận bà Q không cấp dưỡng nuôi cháu Ph.

Bà Nguyễn Thanh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung tên Nguyễn Tấn Ph theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở bà Q thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thanh Q và ông Nguyễn Đức M đều tự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem

xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thanh Q và ông Nguyễn Đức M mỗi người đồng ý chịu là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng lệ phí do bà Q và ông M đã nộp theo các biên lai thu số 0007702 và 0007703 cùng ngày 08/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Bà Q và ông M đã nộp xong số tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTP Sóc Trăng;
- Chi cục THADS - TPST;
- UBND phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thanh Loan